

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HƯNG HÀ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2022/HNGĐ- ST  
Ngày: 30- 8- 2022  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Hùng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Văn Luân
2. Bà Phạm Thị Huệ

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Trường- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Giang- Kiểm sát viên

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2022/QĐXX-ST ngày 10 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình

2. Bị đơn: Anh Trần Văn Ch, sinh năm 1969

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình

(Chị L và anh Ch đều đề nghị xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:

Chị kết hôn tự nguyện với anh Trần Văn Ch và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Hưng Nhân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 21/01/1996. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên đánh cãi nhau do chị phát hiện anh Ch nghiện ma túy. Chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả và vợ

chồng đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay không quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn anh Ch.

Chị và anh Ch có 02 con chung là Trần Văn Đ, sinh ngày 20/01/1997 và Trần Văn Th, sinh ngày 15/5/2001. Hiện nay hai con chung đều đã đủ tuổi trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng con chung. Chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Bị đơn là anh Trần Văn Ch trong biên bản lấy lời khai đã khai nhận về hoàn cảnh, điều kiện kết hôn đúng như chị L trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do trước đây anh làm lái xe có chơi bời và chị L cũng bỏ đi làm ăn 04 năm nay không quan tâm đến anh. Hiện tại anh bị bệnh tật không có tiền nên anh không chơi bời nữa. Anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng chị L cương quyết ly hôn nên anh nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị L. Anh và chị L có 02 con chung đều đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên toà: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ hôn nhân, cần xử cho chị L được ly hôn anh Ch; về quan hệ con chung và quan hệ tài sản: không đặt ra giải quyết. Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều đề nghị xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị L và anh Trần Văn Ch xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Ch có chơi bời, nghiện ma túy. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay không quan tâm đến nhau. Anh Ch cũng nhất trí ly hôn với chị L. Xét mâu thuẫn giữa chị L và anh Ch đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh Ch là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung: Hai con chung của chị L và anh Ch đều đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết về trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về quan hệ tài sản: Chị L và anh Ch đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Trần Văn Ch.

**2.** Về án phí: Chị Phạm Thị L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005773 ngày 04/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

**3.** Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị L và anh Trần Văn Ch có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Hưng Hà,
- Các đương sự,
- Chi cục THA dân sự H.Hưng Hà,
- UBND TT H,
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thế Hùng**